

CỤC THỦY SẢN
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Số: 730 /QĐ-TTKN-CNKN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

*Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-BNN-TCCB ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Cục Thủy sản;*

*Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn
Đo lường Chất lượng về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm
Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;*

*Xét báo cáo ngày 10/02/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng
nhận;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT với số HQ.25.00666 cho 07 sản phẩm sản xuất trong
nước của Công ty TNHH Khoa Kỹ sinh vật Thăng Long Hải Dương, địa chỉ: Lô B3-2.1,
KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm (Phụ lục 2) kèm theo Quyết định
này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực 2 năm từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị
đối với sản phẩm nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận,
Công ty TNHH Khoa Kỹ sinh vật Thăng Long Hải Dương được phép sử dụng Giấy
chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng
Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Khoa Kỹ sinh vật Thăng Long Hải
Dương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT tỉnh Hải Dương;
- Giám đốc TT (b/c);
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Thanh Tùng

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C02	Công ty TNHH Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng Long Hải Dương Lô B3-2.1, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	HQ.25.00666-1	QCVN 02-31-1: 2019/ BNNPTNT
2	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C03		HQ.25.00666-2	
3	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C04		HQ.25.00666-3	
4	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C06		HQ.25.00666-4	
5	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C08		HQ.25.00666-5	
6	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C10		HQ.25.00666-6	
7	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C12		HQ.25.00666-7	

Phụ lục 2
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

TT	Tên sản phẩm	Mã hồ sơ	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C02 (HQ.25.00666-1)	13/2025/HĐHQ (Quyết định 523/QĐ-TTKN-CNKN ngày 06/02/2025)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C03 (HQ.25.00666-2)			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

3	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C04 (HQ.25.00666-3)	13/2025/ HĐHQ (Quyết định 523/QĐ-TTKN-CNKN ngày 06/02/2025)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
4	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C06 (HQ.25.00666-4)			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C08 (HQ.25.00666-5)			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,73	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

6	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C10 (HQ.25.00666-6)	13/2025/ HĐHQ (Quyết định 523/QĐ- TTKN- CNKN ngày 06/02/2025)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
7	Thức ăn hỗn hợp nuôi cá tầm nhãn hiệu SeaMaster, mã hiệu C12 (HQ.25.00666-7)			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH - không phát hiện